

FiinGate

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG ĐIỂM RỦI RO DOANH NGHIỆP



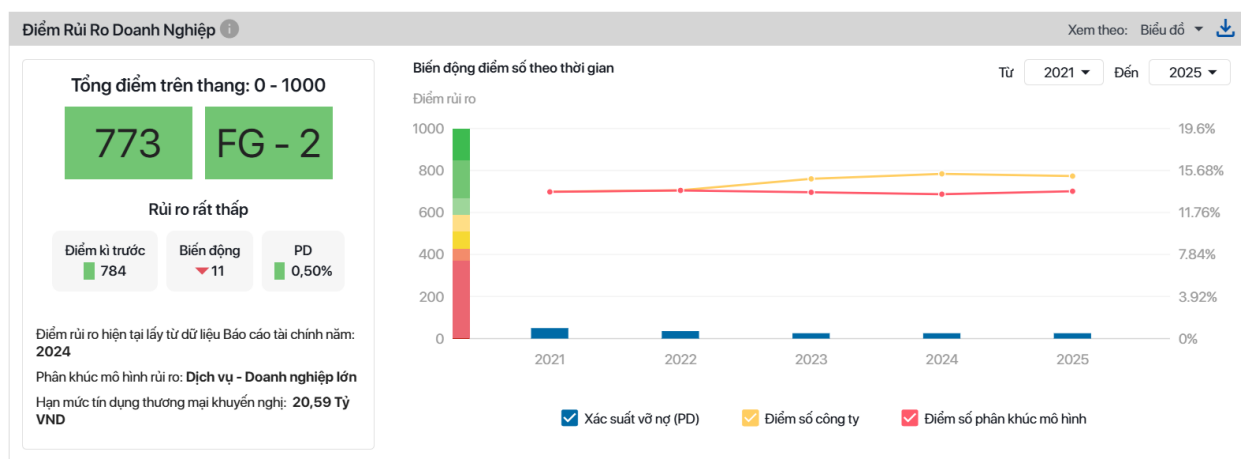
V1.0

MỤC LỤC

1. Điểm rủi ro doanh nghiệp	3
2. Thang đo và diễn giải rủi ro	4
3. Cấu trúc điểm rủi ro	4
4. Phân tích chi tiết theo chỉ số	4
5. Mức đóng góp so với phân khúc.....	7
6. Nhận xét tổng hợp	7
7. Cấu trúc kỳ hạn xác suất vỡ nợ.....	8
8. Phân phối điểm số.....	9
9. Câu hỏi thường gặp (FAQ)	9

1. Điểm rủi ro doanh nghiệp

Điểm rủi ro doanh nghiệp cho biết xác suất vỡ nợ của một doanh nghiệp, được định nghĩa là ngừng hoạt động trong vòng 12 tháng tới. Thang điểm từ 0 đến 1000, với điểm số cao hơn thể hiện rủi ro vỡ nợ thấp hơn. Mỗi khoảng điểm tương ứng với một xác suất vỡ nợ (PD) được chuẩn hóa theo thang điểm chuẩn.



- **Điểm tổng (0–1000):** điểm tại ngày cập nhật, điểm càng cao thể hiện rủi ro càng thấp.
- **Hạng rủi ro FG:** từ FG-1 (rủi ro không đáng kể) đến FG-18 (đã vỡ nợ).
- **PD (Probability of Default):** xác suất doanh nghiệp vỡ nợ trong 12 tháng.
- **Năm cáo cáo tài chính sử dụng để tính điểm:** thường là năm liền trước năm tính điểm hoặc năm trước đó.
- **Phân khúc mô hình:** phân loại rủi ro vỡ nợ chính xác hơn, phân vào 6 nhóm ngành theo lĩnh vực kinh doanh chính và quy mô doanh nghiệp theo BCTC năm gần nhất.
- **Hạn mức tín dụng thương mại khuyến nghị:** số liệu dự đoán nợ thương mại cả năm, dựa trên tăng trưởng trong hoạt động kinh doanh những năm gần đây, xác suất vỡ nợ, các yếu tố định tính về thông tin tiêu cực, nợ thuế.
- **Biểu đồ đi kèm:** hiển thị điểm số và PD qua các kỳ (năm/quý/tháng), đồng thời so sánh với điểm trung vị phân khúc.

Ý nghĩa: Đây là thước đo chính, giúp người đọc nhanh chóng nhận diện mức rủi ro hiện tại và xu hướng biến động.

2. Thang đo và diễn giải rủi ro

Thang Điểm Và Diễn Giải Rủi Ro

Hạng rủi ro	FG - 1	FG - 2	FG - 3	FG - 4	FG - 5	FG - 6	FG - 7	FG - 8	FG - 9	FG - 10	FG - 11	FG - 12	FG - 13	FG - 14	FG - 15	FG - 16	FG - 17	FG - 18
Điểm rủi ro	848-1000	753-847	700-752	667-699	639-666	613-638	588-612	562-587	536-561	508-535	481-507	452-480	426-451	399-425	372-398	331-371	1-330	0
Loại rủi ro	Rủi ro không đáng kể	Rủi ro rất thấp			Rủi ro thấp			Rủi ro trung bình			Rủi ro cao			Rủi ro rất cao		Gần vỡ nợ		Đã vỡ nợ
Xác suất vỡ nợ	0,36%	0,50%	0,70%	0,98%	1,36%	1,90%	2,64%	3,68%	5,13%	7,15%	9,96%	13,87%	19,32%	26,91%	37,48%	52,20%	72,71%	100,00%

Thang điểm rủi ro được cập nhật lần cuối: 09/06/2025

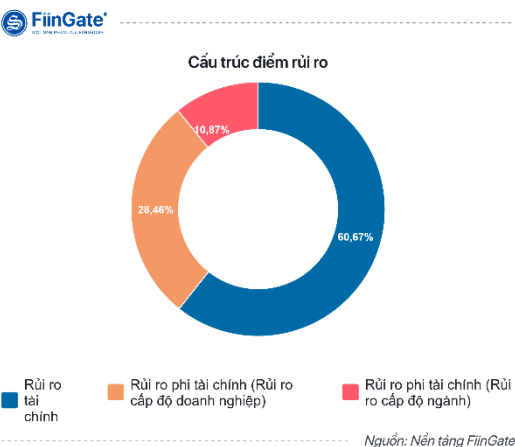
- Cung cấp bảng thang đo FG-1 đến FG-18 kèm diễn giải.
- Mỗi hạng đi kèm với giá trị PD (%) để tham chiếu.

Ý nghĩa: Giúp người đọc hiểu mức rủi ro tương ứng với điểm số, dễ dàng so sánh điểm số của các doanh nghiệp thuộc phân khúc khác nhau.

3. Cấu trúc điểm rủi ro

Chia các yếu tố rủi ro thành ba nhóm:

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro phi tài chính cấp độ doanh nghiệp
- Rủi ro phi tài chính cấp độ ngành



Ý nghĩa: Cho biết nhóm yếu tố nào có ảnh hưởng lớn nhất đến điểm số rủi ro doanh nghiệp.

4. Phân tích chi tiết theo chỉ số

Phần các nhân tố rủi ro này nêu bật các nhân tố chính ảnh hưởng đến điểm rủi ro của một công ty, được hỗ trợ bởi các chỉ số chuẩn hóa để so sánh với phân khúc mô hình tương ứng. Điều này giúp làm rõ và khách quan hơn trong việc đánh giá mức độ rủi ro tương đối. Cấu trúc

này làm nổi bật các yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất và vị thế tương đối của doanh nghiệp so với phân khúc mô hình trong từng nhóm chỉ tiêu là cao hơn hay thấp hơn.

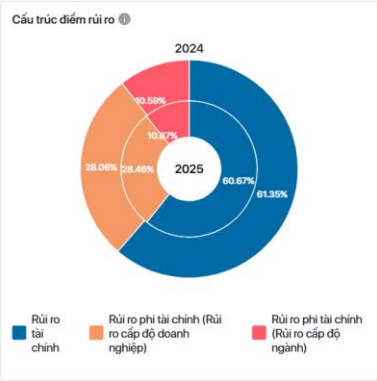
#	Nhân tố rủi ro	Điểm số	Mức độ ảnh hưởng với tổng điểm	Trung vị	Đóng góp tương đối với phân khúc
Rủi ro tài chính					
1	Hệ số tăng trưởng	53	6.86%	51	0.2853%
2	Hệ số lợi nhuận	133	17.21%	115	2.5678%
3	Hệ số hiệu quả hoạt động	76	9.83%	76	0%
4	Hệ số thanh khoản	72	9.31%	72	0%
5	Hệ số đòn bẩy tài chính	-	-	-	-
6	Hệ số dòng tiền	135	17.46%	105	4.2796%
7	Hệ số quy mô	-	-	-	-
Rủi ro phi tài chính (Rủi ro cấp độ doanh nghiệp)					
1	Lịch sử hoạt động kinh doanh	53	6.86%	57	-0.5706%
2	Quy mô doanh nghiệp	118	15.27%	84	4.8502%
3	Rủi ro tuân thủ pháp lý	49	6.34%	49	0%
4	Phân tích cảm xúc tin tức	-	-	-	-
5	Xu hướng khối lượng nhập khẩu	-	-	-	-
6	Xu hướng khối lượng xuất khẩu	-	-	-	-
Rủi ro phi tài chính (Rủi ro cấp độ ngành)					
1	Xu hướng khối lượng nhập khẩu theo ngành	-	-	-	-
2	Xu hướng khối lượng xuất khẩu theo ngành	-	-	-	-
3	Tỷ lệ doanh nghiệp ngừng hoạt động	42	5.43%	50	-1.1412%
4	Tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động trở lại	-	-	-	-
5	Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới	42	5.43%	42	0%

- **Chỉ số tài chính:** hệ số tăng trưởng, lợi nhuận, hiệu quả hoạt động, thanh khoản, đòn bẩy, dòng tiền, quy mô.
- **Chỉ số phi tài chính – cấp độ doanh nghiệp:** lịch sử hoạt động, quy mô, tuân thủ pháp lý, thông tin tin tức.
- **Chỉ số phi tài chính – cấp độ ngành:** xu hướng nhập khẩu, xu hướng xuất khẩu, tỷ lệ doanh nghiệp ngừng hoạt động, tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động trở lại, tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới.

Mỗi chỉ số được trình bày với: điểm số, mức ảnh hưởng (%), trung vị, đóng góp so với phân khúc. Trong đó:

- Điểm số: được tính toán cho từng yếu tố riêng lẻ của công ty, được nhóm thành các yếu tố cấp cao hơn để nhằm mục đích giải thích.
- Mức ảnh hưởng: trọng số tác động của từng yếu tố lên điểm rủi ro. Giá trị càng cao cho thấy ảnh hưởng càng mạnh.
- Trung vị: giá trị trung vị của phân khúc các doanh nghiệp tương tự, được dùng làm mốc tham chiếu để so sánh vị thế của công ty.
- Đóng góp so với phân khúc: chênh lệch giữa điểm số của công ty và trung vị phân khúc các doanh nghiệp tương tự, thể hiện yếu tố đó đang cải thiện (dấu dương) hay làm xấu đi (dấu âm) điểm trung vị của phân khúc.

So sánh với kỳ đánh giá khác:



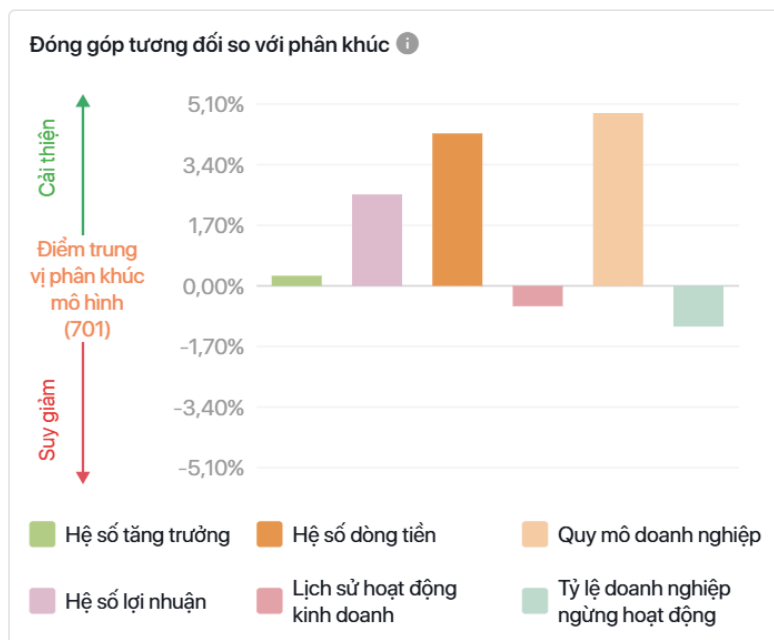
Mốc so sánh	2025	Mốc cơ sở	2024		
Nhân tố rủi ro	Điểm số	Mức độ ảnh hưởng với tổng điểm	Trung vị	Đóng góp tương đối với phân khúc	
Rủi ro tài chính					
Hệ số tăng trưởng	53(-4)	6.86%	51(0)	0.2853%	0.8734%
Hệ số lợi nhuận	133(+18)	17.21%	115(0)	2.5678%	0%
Hệ số hiệu quả hoạt động	76(0)	9.83%	76(0)	0%	0%
Hệ số thanh khoản	72(0)	9.31%	72(0)	0%	0%
Hệ số dòng tiền	135(-26)	17.46%	105(-1)	4.2796%	8.0058%
Rủi ro phi tài chính (Rủi ro cấp độ doanh nghiệp)					
Lịch sử hoạt động kinh doanh	53(0)	6.86%	57(+4)	-0.5706%	0%
Quy mô doanh nghiệp	118(0)	15.27%	84(+1)	4.8502%	5.0946%
Rủi ro tuân thủ pháp lý	49(0)	6.34%	49(0)	0%	0%
Rủi ro phi tài chính (Rủi ro cấp độ ngành)					
Tỷ lệ doanh nghiệp ngừng hoạt động	42(+9)	5.43%	50(+9)	-1.1412%	-1.1645%
Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới	42(-8)	5.43%	42(+1)	0%	1.31%

Chức năng so sánh điểm số rủi ro theo từng nhân tố giữa hai kỳ tùy chỉnh:

- Thể hiện giá trị kỳ so sánh và kỳ cơ sở, kèm mức thay đổi giữa hai kỳ (màu xanh - cải thiện, màu đỏ - suy giảm).

Ý nghĩa: Giúp nhận diện rõ yếu tố nào khiến điểm số doanh nghiệp cao hoặc thấp, thêm chiều so sánh của mỗi yếu tố với phân khúc các doanh nghiệp tương tự, đồng thời nhận diện xu hướng cải thiện hay suy giảm rủi ro theo từng yếu tố.

5. Mức đóng góp so với phân khúc



- Biểu đồ thể hiện từng yếu tố góp phần kéo điểm tăng hoặc giảm so với trung vị phân khúc các doanh nghiệp tương tự.

Ý nghĩa: Làm rõ các điểm mạnh và điểm yếu của doanh nghiệp khi so sánh tương đối với phân khúc các doanh nghiệp tương tự.

6. Nhận xét tổng hợp

Nhận Xét
Điểm số hiện tại của công ty là 773, tương ứng với mức xác suất vỡ nợ là 0,50% (Rủi ro rất thấp). So với điểm chuẩn trung vị của phân khúc mô hình là 701, điểm số công ty cao hơn so với điểm trung vị phân khúc, phản ánh vị thế có phần mạnh hơn so với các công ty trong cùng phân khúc. So với năm trước, điểm số hiện tại đã giảm 11 điểm, điều này có thể cho thấy xu hướng rủi ro duy trì ổn định. Dưới đây là những yếu tố tác động đáng kể nhất đến điểm số tổng thể của công ty. ● Hệ số dòng tiền là nhân tố ảnh hưởng lớn nhất đến điểm số tổng thể của công ty. Điểm số hiện tại là 135, cao hơn so với trung vị của nhân tố trong phân khúc mô hình là 105, tương ứng với mức đóng góp tương đối là 4,2796% vào điểm chuẩn trung vị của phân khúc mô hình. Điều này phản ánh rằng các chỉ tiêu trong nhóm Hệ số dòng tiền cho thấy tín hiệu tích cực hơn so với phân khúc mô hình, thể hiện khả năng tạo dòng tiền hiệu quả của doanh nghiệp. ● Hệ số lợi nhuận là nhân tố ảnh hưởng lớn thứ hai đến điểm số tổng thể của công ty. Điểm số hiện tại là 133, cao hơn so với trung vị của nhân tố trong phân khúc mô hình là 115, tương ứng với mức đóng góp tương đối là 2,5678% vào điểm chuẩn trung vị của phân khúc mô hình. Điều này phản ánh rằng các chỉ tiêu trong nhóm Hệ số lợi nhuận cho thấy tín hiệu tích cực hơn so với phân khúc mô hình, thể hiện hiệu quả sinh lời của doanh nghiệp. ● Quy mô doanh nghiệp là nhân tố ảnh hưởng lớn thứ ba đến điểm số tổng thể của công ty. Điểm số hiện tại là 118, cao hơn so với trung vị của nhân tố trong phân khúc mô hình là 84, tương ứng với mức đóng góp tương đối là 4,8502% vào điểm chuẩn trung vị của phân khúc mô hình. Điều này phản ánh rằng các chỉ tiêu trong nhóm Quy mô doanh nghiệp cho thấy tín hiệu tích cực hơn so với phân khúc mô hình.

- Tóm tắt điểm số hiện tại so với năm trước, xu hướng tăng hoặc giảm.
- Làm nổi bật các chỉ tiêu then chốt.
- Đưa ra đánh giá định tính: doanh nghiệp đang ở tình trạng nào so với phân khúc các doanh nghiệp tương tự.

Ý nghĩa: Cái nhìn tổng quan cho người đọc nắm rõ hơn về xu hướng, tác nhân ảnh hưởng điểm số, vị thế so với phân khúc.

7. Cấu trúc kỳ hạn xác suất vỡ nợ

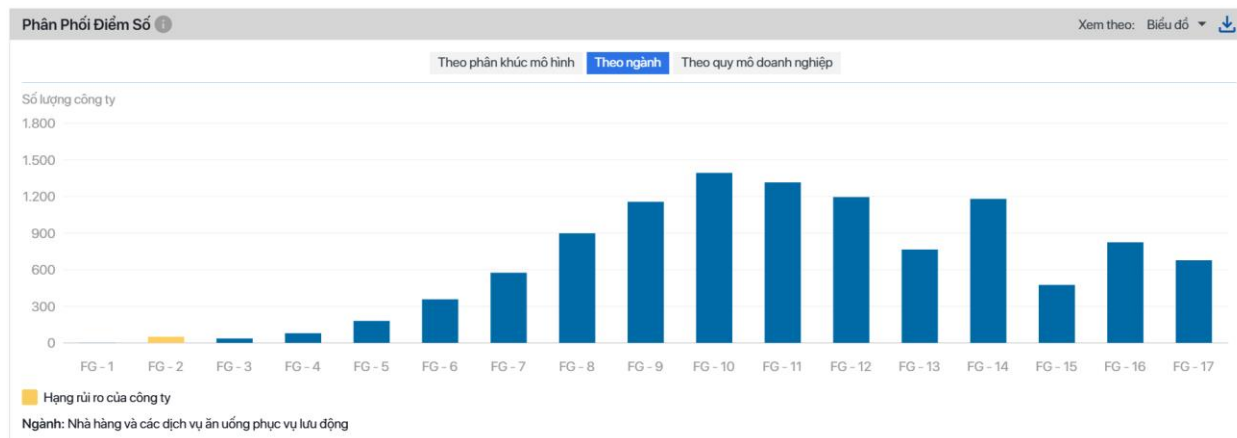
Cấu trúc kỳ hạn của Xác suất vỡ nợ (PD) thể hiện xác suất suất ước tính mà một doanh nghiệp có thể rơi vào trạng thái vỡ nợ trong thời hạn khác nhau trong tương lai. Cấu trúc này minh họa sự biến động rủi ro vỡ nợ trong cả ngắn và dài hạn, cung cấp góc nhìn định hướng tương lai về mức độ rủi ro. Đồng thời, cấu trúc này cũng bao hàm các điều chỉnh vĩ mô nhằm phản ánh các thay đổi trong môi trường kinh tế, từ đó hỗ trợ cho việc đánh giá rủi ro trong tương lai.

Cấu Trúc Kỳ Hạn Của Xác Suất Vỡ Nợ Dự Báo ¹											
Cấu trúc kỳ hạn theo năm											
1 Năm	2 Năm	3 Năm	4 Năm	5 Năm	6 Năm	7 Năm	8 Năm	9 Năm	10 Năm	11 Năm	12 Năm
0,3936%	1,0048%	1,8006%	2,7945%	3,9388%	5,0576%	6,3821%	7,8699%	9,2027%	10,9174%	12,3545%	13,7510%
13 Năm	14 Năm	15 Năm	16 Năm	17 Năm	18 Năm	19 Năm	20 Năm	21 Năm	22 Năm	23 Năm	24 Năm
15,1231%	16,4679%	17,7850%	19,0751%	20,3400%	21,5814%	22,8010%	24,0001%	25,1798%	26,3407%	27,4831%	28,6068%
25 Năm	26 Năm	27 Năm	28 Năm	29 Năm	30 Năm	31 Năm	32 Năm	33 Năm	34 Năm	35 Năm	
29,7119%	30,7980%	31,8649%	32,9123%	33,9400%	34,9481%	35,9364%	36,9052%	37,8547%	38,7852%	39,6971%	

- Bảng thể hiện xác suất vỡ nợ (PD) theo năm (1–35 năm) tương ứng với phân khúc của doanh nghiệp, xét đến xác suất chuyển hạng rủi ro trong lịch sử của doanh nghiệp trong cùng phân khúc và thay đổi của các yếu tố kinh tế vĩ mô trong tương lai.
- Cho phép đánh giá rủi ro ngắn hạn và dài hạn.

Ý nghĩa: Hỗ trợ việc ra quyết định tín dụng theo kỳ hạn, đánh giá rủi ro trong tương lai có phụ thuộc vào điều kiện kinh tế vĩ mô theo chuẩn mực kế toán quốc tế - IFRS 9.

8. Phân phối điểm số



- Cung cấp biểu đồ phân phối điểm số theo ba chiều:
 - Ngành theo phân loại VSIC cấp 3 mà doanh nghiệp kinh doanh chính.
 - Quy mô doanh nghiệp (siêu nhỏ, nhỏ và vừa, lớn).
 - Phân khúc mô hình.
- Biểu đồ thể hiện tần suất phân bố các hạng rủi ro FG-1 đến FG-17 tại kỳ cập nhật điểm mới nhất, chỉ tính các doanh nghiệp đang hoạt động.

Ý nghĩa: Giúp người đọc nhanh chóng xác định doanh nghiệp đang ở đâu trong phân phối chung, từ đó đánh giá vị thế rủi ro tương đối của doanh nghiệp so với các nhóm tham chiếu quan trọng.

9. Câu hỏi thường gặp (FAQ)

1. Điểm rủi ro doanh nghiệp được cập nhật với tần suất bao lâu?

Điểm số được cập nhật định kỳ hàng tháng hoặc khi có thông tin sự kiện quan trọng (báo cáo tài chính mới, kiện tụng, tin tức tiêu cực, thay đổi pháp lý).

2. Phân loại FG và điểm số có gì khác nhau?

FG là xếp hạng rủi ro (từ FG-1 đến FG-18), còn điểm số 0–1000 là giá trị định lượng. FG được suy ra từ khoảng điểm số và PD tương ứng.

3. Nếu doanh nghiệp không có báo cáo tài chính trong 2 năm gần nhất thì điểm số lấy từ đâu?

Hệ thống sẽ phụ thuộc nhiều vào mô hình phi tài chính, điểm số được đóng góp chủ yếu bởi dữ liệu đăng ký kinh doanh, hành vi thanh toán nghĩa vụ, kiện tụng, ngành và tin tức. Mô hình tài chính vẫn trả ra điểm cho trường hợp này, tuy nhiên, điểm sẽ thấp tương đối so với phân khúc do không có dữ liệu báo cáo tài chính cập nhật.

4. Có thể so sánh điểm số doanh nghiệp với những gì?

Người dùng có thể so sánh với trung vị ngành, nhóm doanh nghiệp cùng quy mô và phân khúc mô hình.

5. Khi nào cần đặc biệt lưu ý điểm số?

Khi điểm số giảm mạnh so với kỳ trước, ví dụ khi rơi vào nhóm FG-14 đến FG-17 (rủi ro rất cao, gần vỡ nợ), tương đương với PD vượt ngưỡng 20%.

6. Phương pháp tính toán Hạn mức tín dụng thương mại khuyến nghị là gì?

Hạn mức tín dụng thương mại khuyến nghị được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa dữ liệu quá khứ của doanh nghiệp, dự báo xu hướng tương lai, và điều chỉnh theo rủi ro. Cụ thể:

- Quy mô giao dịch dự kiến: hệ thống tham chiếu các nghĩa vụ thanh toán và tăng trưởng doanh thu trong những năm gần đây để ước tính nhu cầu tín dụng thương mại trong kỳ tới. Trường hợp doanh nghiệp không có đủ dữ liệu tài chính, hạn mức được gán theo quy mô doanh thu và ngành hoạt động, đảm bảo tính hợp lý trong so sánh tương đối.
- Điều chỉnh theo rủi ro: hạn mức dự báo được hiệu chỉnh dựa trên PD theo thang điểm rủi ro chuẩn, kết hợp với các chỉ số phản ánh sức khỏe tài chính như khả năng thanh toán ngắn hạn, khả năng trả lãi. Doanh nghiệp có rủi ro thấp hoặc chỉ số tài chính tích cực sẽ có hạn mức cao hơn; ngược lại, doanh nghiệp rủi ro cao sẽ bị giới hạn hạn mức.

- Các yếu tố định tính bổ sung: thông tin tiêu cực trên truyền thông, nghĩa vụ thuế chưa hoàn thành, hoặc cưỡng chế hóa đơn sẽ làm hạn mức bị điều chỉnh giảm.

7. Điểm số có thay đổi theo từng sản phẩm tài chính, tín dụng không?

Điểm số là rủi ro tổng thể. Để ra quyết định theo sản phẩm, tổ chức tài chính có thể thiết lập thêm các ngưỡng quyết định (cut-off) riêng cho vay ngắn hạn, dài hạn, hoặc sản phẩm tài chính đặc thù.

8. Có thể xuất báo cáo ở những định dạng nào?

Người dùng có thể tải báo cáo PDF hoặc truy cập dữ liệu qua API (tùy gói dịch vụ).